

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2018

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương
2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Trà M**, sinh năm: 1990 (*Có mặt*)

Nơi cư trú hiện nay: Ấp 4, xã KT, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

* Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm: 1986 (*Vắng mặt không có lý do*)

Nơi cư trú hiện nay: Ấp KQ, xã VKT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Trà M trình bày và yêu cầu như sau: Chị và anh Lê Văn H chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VKT vào ngày 02/02/2012. Anh chị đến với nhau là do cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, không ai ép buộc. Sau khi cưới, anh chị về ở chung gia đình của anh H đến năm 2011 thì anh chị ra ở riêng.

Trong thời gian chung sống thì cả hai phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, khi vợ chồng cự cãi thì anh H chửi mắng và đánh đập chị rất nhiều lần. Cha mẹ anh H cũng biết chuyện và có khuyên ngăn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị đã cố gắng chịu đựng và cho anh H cơ hội để sửa đổi tính tình rất nhiều lần nhưng anh H không làm được. Do đó, chị đã về nhà cha mẹ ruột chị ở từ năm 2013 đến nay.

Qua thời gian vợ chồng ly thân, mâu thuẫn giữa chị và anh H ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nhựt P, sinh ngày 28/4/2009 (*giới tính nam*). Hiện nay cháu đang chung sống cùng anh H. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu P cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P và chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung trong thời gian hôn nhân nên khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không phát sinh nợ chung trong thời gian hôn nhân nên khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Trà M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H; Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Lê Nhựt P, sinh ngày 28/4/2009 (*giới tính nam*) cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh H; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự;

Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn chị M đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; phía bị đơn anh H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định theo quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân cho chị M được ly hôn với anh H; Về con chung tiếp tục giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H; Tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vẫn không tham gia. Tòa án đã triệu tập anh H tham gia phiên tòa lần hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, trường hợp vắng mặt của anh H không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh H chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VKT vào ngày 02/02/2012 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị M đối với anh H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị và anh H chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và chị M đã xác định mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được dẫn đến việc anh chị đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay.

Qua xác minh tại nơi cư trú (ấp KQ) cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị thường xuyên xảy ra là do khi vợ chồng cự cãi nhau thì anh H luôn hăm dọa chị M và vợ chồng có xô xát dẫn đến việc anh chị sống ly thân nhau trong thời gian dài. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị M.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Xét thấy, đời sống chung giữa chị M và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị M được ly hôn với anh H.

[3] *Về quan hệ con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị M đồng ý giao cháu Lê Nhựt P, sinh ngày 28/4/2009 (*giới tính nam*) cho anh H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu P là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX thống nhất giao cháu P, sinh cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H sau khi ly hôn.

Khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị M xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Trà M phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[6] *Quyền kháng cáo*: Chị M có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2018).

Riêng anh Lê Văn H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Trà M được ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Nhựt P, sinh ngày 28/4/2009 (*giới tính nam*) cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu P. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H sau khi ly hôn.

Khi cần thiết anh H có quyền yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai có quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Trà M chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0008571 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị M đã nộp xong án phí sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Chị M có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2018).

Riêng anh Lê Văn H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã VKT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh